

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/06/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huynh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 724/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh Đ**, sinh năm 1985, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn-chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Thanh Đ chung sống với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thì không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay và không bàn bạc đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn đã

trầm trọng, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh Đ.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Thị P, sinh ngày 03/07/2011 và Lê Thị Nhã L, sinh ngày 27/06/2013. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh Lê Thanh Đ không hợp tác, không đến Tòa án giải quyết nên không có ý kiến.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-chị Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Qua xác minh tại Công an xã B thì bị đơn- anh Lê Thanh Đ vẫn đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai và anh Lê Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn-anh Lê Thanh Đ. Nguyên đơn-chị Trần Thị H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn-chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Thanh Đ tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 60/2010 ngày 04

tháng 08 năm 2010) nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì trong quá trình chung sống, chị H và anh Đ có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Anh chị đã sống ly thân từ 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì không bàn bạc đoàn tụ.

Như vậy, giữa chị H và anh Đ đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị P, sinh ngày 03/07/2011 và Lê Thị Nhã L, sinh ngày 27/06/2013. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, hai cháu Phương và Linh đang chung sống cùng với chị H và được chăm sóc tốt. Chị H có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi con. Hai cháu Phương và Linh đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Vì vậy, có căn cứ giao cháu Lê Thị P và Lê Thị Nhã L cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H được chấp nhận nên chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn-chị Trần Thị H đối với bị đơn- anh Lê Thanh Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Thanh Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị P, sinh ngày 03/07/2011 và Lê Thị Nhã L, sinh ngày 27/06/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004717 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Huynh – Nguyễn Thị Thanh

Đào Ngọc Nam